

Ninh Bình, ngày 29 tháng 1 năm 2021

BÁO CÁO

**Công khai số liệu thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách nhà nước năm 2020**

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình “ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020”

Phòng công chứng số 1 báo cáo như sau:

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

1. Nội dung công khai

Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2020 theo Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

2. Hình thức công khai: Niêm yết công khai trên Website của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình (sotuphap.ninhbinh.gov.vn); Trụ sở làm việc của đơn vị .

3. Thời điểm công khai: Ngày 29/1/2021

II. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

1. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách:

a, Thu phí công chứng: 966.239.000đ đạt 0,26% so với dự toán giao và đạt 2,4% so với cùng kỳ năm 2019

b, Nộp ngân sách NN: 483.119.500 đạt 0,26% so với dự toán giao và đạt 2,4% so với cùng kỳ năm 2019

c, Chi: **571.603.500đ** đạt 0,69% so với dự toán

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước

a. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ

- Kinh phí được giao trong năm 2020: 1.125.100.000đ

- Kinh phí đã sử dụng đến hết năm 2020: 1.046.100.000đ đạt 0,56% so với dự toán giao và đạt 2,00% so với cùng kỳ năm 2019

b. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ

- Kinh phí được giao trong năm 2020: 79.000.000đ

- Kinh phí đã sử dụng đến hết năm 2020: 78.780.000đ; Hủy 220.000đ (do tiền mua sắm tập chung còn thừa)

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước, phí công chứng năm 2020 của Phòng công chứng số 1 tỉnh Ninh Bình./.

Nơi nhận:

- Website STP;
- Lưu KT, VT



TRƯỞNG PHÒNG
LẠI THỊ ÁNH DƯƠNG

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Phòng công chứng số 1

Chương: 414

QUYẾT TOÁN THU, CHI NGUỒN NGÂN SÁCH NN, NGUỒN KHÁC

NĂM 2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu báo cáo quyết toán	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách lệ phí					
1	Số thu phí, lệ phí	966.239.000	966.239.000			
1.1	Lệ phí					
-	Phí công chứng	966.239.000	966.239.000			
2	Nguồn thu phí được để lại để chi:	483.119.500	483.119.500			
+	Nguồn phí năm 2019 chuyển sang	338.484.000	338.484.000			
+	Nguồn phí năm nay	483.119.500	483.119.500			
2.1	Tổng số tiền được chi từ phí	821.603.500	821.603.500			
2.2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	571.603.500	571.603.500			
-	Tiền lương	48.227.575	48.227.575	48.227.575		
-	Thanh toán dịch vụ công	3.295.525	3.295.525			
-	Văn phòng phẩm	8.919.000	8.919.000			
-	Vật tư Văn phòng	2.956.000	2.956.000			
-	Tên biển trụ sở	17.515.000	17.515.000			
-	Sửa chữa tài sản	12.030.000	12.030.000		12.030.000	
-	Chi phí nghiệp vụ cm	18.000.000	18.000.000			
-	Công tác phí	24.750.000	24.750.000			
-	Chi tiếp khách	24.300.000	24.300.000			
-	Chi thuê nhà	60.000.000	60.000.000			

-	Chi khác	97.303.400	97.303.400			
	Trích lập quỹ	254.307.000	254.307.000			254.000.00
2.1	Chi sự nghiệp					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
3	Số phí nộp NSNN	483.119.500	483.119.500			
3.1	Phí	483.119.500	483.119.500			
	Phí công chứng	483.119.500	483.119.500			
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.125.100.000	1.124.780.000			
1	Chi quản lý hành chính	1.046.100.000	1.046.100.000			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	550.100.000	546.110.253			
-	Chi tiền lương	550.100.000	546.110.253	546.110.253		
-	Chi phụ cấp chức vụ	25.000.000	23.150.070			
-	Chi phụ cấp làm thêm giờ	115.000.000	112.648.600			
-	Chi phụ cấp trách nhiệm nghề	52.000.000	46.809.842			
-	BHXH	111.700.000	107.430.161			
-	Chi BHYT	19.100.000	18.397.293			
-	Chi KPCĐ	12.800.000	12.195.300			
-	Chi BHTN	5.000.000	4.262.481			
-	Chi tiền điện	6.000.000	6.988.600			
-	Tiền nước	2.000.000	1.878.000			
-	Chi văn phòng phẩm	14.500.000	15.026.000			
-	Chi mua vật tư VP	4.100.000	3.720.000			
-	Chi tiền cước điện thoại	1.800.000	523.000			
-	Chi tiền cước internet	800.000	770.000			
-	Tiền vé máy bay, tàu xe	2.050.000	174.000			
-	Phụ cấp công tác phí	2.000.000	400.000			

-	Tiền thuê phòng ngủ	3.000.000	450.000			
-	Chi công tác phí	30.000.000	45.300.000			
-	Các thiết bị công nghệ thông tin	5.000.000	5.340.000		5.340.000	
-	Sửa chữa TS và thiết bị VP	9.000.000	8.970.000		8.970.000	
-	Chi phí hđ nghiệp vụ cm	13.000.000	13.300.000			
-	Chi tiếp khách	18.000.000	17.400.000			
-	Chi mua BHTNN cho công chứng viên	20.000.000	20.000.000			
-	Chi các khoản khác	24.150.000	34.856.400			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	79.000.000	78.780.000			
-	Tiền bảo vệ	36.000.000	36.000.000			
-	Mua phí bảo trì phần mềm công nghệ TT	2.000.000	2.000.000			
-	Mua sắm công cụ dụng cụ VP	18.000.000	18.000.000		18.000.000	
-	Mua máy vi tính	23.000.000	22.780.000		22.780.000	

Ngày 29 tháng 01 năm 2021

Người lập


Trương Thị Hiền

Thủ trưởng đơn vị




TRƯỞNG PHÒNG
LẠI THỊ ÁNH DƯƠNG